

THỜI KHÓA BIỂU TKB HKII NĂM HỌC 2024-2025 ÁP DỤNG NGÀY 03-02-2025

| Thứ | Buổi | Tiết | 10A1                                           | 10A2                                       | 10A3                                       | 10A4                                         | 10A5                                         | 10A6                                         | 10A7                                         | 10A8                                         | 10A9                                         | 10A10                                        | 10A11                                        | 10A12                                        | 10A13                                        | 10A14                                        | 10A15                                        | 10A16                                        | 10A17                                        | 10A18                                        | 10A19                                        | 10A20                                        |                                              |
|-----|------|------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 2   | S    | 1    | HDC (HDTN 1)-phthuan<br>HKGĐ (HDTN T2)-phthuan | HDC (HDTN 1)-THTVY<br>HKGĐ (HDTN T2)-THTVY | HDC (HDTN 1)-HMMân<br>HKGĐ (HDTN T2)-HMMân | HDC (HDTN 1)-LTLAnh<br>HKGĐ (HDTN T2)-LTLAnh | HDC (HDTN 1)-DTLoan<br>HKGĐ (HDTN T2)-DTLoan | HDC (HDTN 1)-NTBinh<br>HKGĐ (HDTN T2)-NTBinh | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung | HDC (HDTN 1)-TĐTung<br>HKGĐ (HDTN T2)-TĐTung |
|     |      | 2    | Công nghệ-PTMHiếu                              | TC-TC7                                     | Toán-NTTrang                               | TCav-lhnTan                                  | Hóa học-DTLoan                               | TC-TC12                                      | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Ngữ văn-NTTHương                             | GDKT-PL-NTBinh                               | Toán-TTHuyền                                 | Vật li-TMHHiên                               | TCav-TBNGoç                                  | MOS-ĐTKThánh                                 | Sinh học-DTNLiên                             | Toán-ppduy                                   | MOS-NTLNhâm                                  | Địa li-HPhường                               | Lịch Sử-bmny                                 | Lịch Sử-BTLong                               | Toán-phthuan                                 |                                              |
|     |      | 3    | Công nghệ-PTMHiếu                              | TC-TC7                                     | Toán-NTTrang                               | Vật li-LTLAnh                                | Toán-phthuan                                 | TC-TC12                                      | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Toán-NTDLan                                  | Lịch Sử-BTLong                               | Toán-TTHuyền                                 | GDDP-TĐTrung                                 | TCav-TBNGoç                                  | MOS-ĐTKThánh                                 | Ngoại ngữ-NTTThủy                            | Toán-ppduy                                   | MOS-NTLNhâm                                  | Vật li-TTATuyệt                              | Toán-NTNThu                                  | TCav-PTTNgoc                                 | GDKT-PL-CTMo                                 |                                              |
|     |      | 4    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 3   | C    | 1    | Toán-phthuan                                   | Hóa học-HMMân                              | Toán-NTTrang                               | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | TCav-TTTHắng                                 | TCav-PTTNgoc                                 | Toán-TVDôn                                   | TC-TC7                                       | Ngươi ngò-DTQuân                             | AVNNN-A1                                     | Vật li-TMHHiên                               | Vật li-TTATuyệt                              | Sinh học-BTAN                                | Ngữ văn-NTTHương                             | GDKT-PL-CTMo                                 | Lịch Sử-bmny                                 | TC-TC10(1)                                   | Ngữ văn-TNPhan                               | Ngữ văn-Phúc                                 | Tin học-NVAn                                 |                                              |
|     |      | 2    | Toán-phthuan                                   | Công nghệ-PTMHiếu                          | Toán-NTTrang                               | Lịch Sử-BTLong                               | TCav-TTTHắng                                 | TCav-PTTNgoc                                 | Toán-TVDôn                                   | TC-TC7                                       | Ngươi ngò-DTQuân                             | AVNNN-A1                                     | TCav-NTTThủy                                 | Lịch Sử-MTHương                              | Sinh học-BTAN                                | Ngữ văn-TNTHương                             | Ngữ văn-DTMDuyên                             | Ngữ văn-TNNguyệt                             | TC-TC10(1)                                   | Ngữ văn-TNPhan                               | Ngữ văn-Phúc                                 | Tin học-NVAn                                 |                                              |
|     |      | 3    | GDDP-PNKKHANH                                  | Toán-THTVY                                 | AVNNN-A1                                   | MOS-ĐTKThánh                                 | Toán-phthuan                                 | Toán-NTDLan                                  | Tin học-TTTHá                                | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Lịch Sử-BTLong                               | Hóa học-DTLoan                               | Ngữ văn-NTTHương                             | Toán-LQHóa                                   | Toán-NTTrang                                 | TCav-NTTThủy                                 | Vật li-TMHHiên                               | Ngữ văn-TNNguyệt                             | Lịch Sử-MTHương                              | HDTN-TVĐôn                                   | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 4    | Ngữ văn-PNKKHANH                               | Toán-THTVY                                 | AVNNN-A1                                   | MOS-ĐTKThánh                                 | Toán-phthuan                                 | Toán-NTDLan                                  | Tin học-TTTHá                                | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Lịch Sử-BTLong                               | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Sinh học-BTAN                                | Ngữ văn-NTTHương                             | Toán-LQHóa                                   | Toán-NTTrang                                 | TCav-NTTThủy                                 | Vật li-TMHHiên                               | Ngữ văn-TNNguyệt                             | Lịch Sử-MTHương                              | HDTN-TVĐôn                                   | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Ngữ văn-Phúc                                 |
|     |      | 5    | GD QP-AN-LTDung                                | TCav-DTQuân                                | GDTC-NTHoai                                | Vật li-LTLAnh                                | Hóa học-DTLoan                               | Tin học-TTTHá                                | TCav-PTTNgoc                                 | MOS-NVAn                                     | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Sinh học-BTAN                                | Ngữ văn-NTTHương                             | GD QP-AN-TĐTrung                             | Vật li-LHThái                                | GD QP-AN-TĐTrung                             | AVNNN-A2                                     | Công nghệ-PTMHiếu                            | Ngữ văn-Phúc                                 | Ngữ văn-TNPhan                               | GDTC-TCTâm                                   | TCav-TBNGoç                                  |                                              |
| 4   | S    | 1    | Hóa học-TNHNgoç(1)                             | Sinh học-BTAN                              | GDTC-NTHoai                                | Vật li-LTLAnh                                | Hóa học-DTLoan                               | Tin học-TTTHá                                | GD QP-AN-TĐTrung                             | MOS-NVAn                                     | Ngươi ngò-DTQuân                             | Ngữ văn-TNTHắng                              | Công nghệ-PTMHiếu                            | Vật li-TTATuyệt                              | Vật li-LHThái                                | Sinh học-DTNLiên                             | AVNNN-A2                                     | GD QP-AN-TĐTrung                             | Ngữ văn-Phúc                                 | Ngữ văn-TNPhan                               | GDTC-TCTâm                                   | TCav-TBNGoç                                  |                                              |
|     |      | 2    | GDTC-NTHoai                                    | Ngữ văn-PNKKHANH                           | Ngươi ngò-BBNGoç                           | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | TC-TC10(1)                                   | Ngữ văn-VTNgoç                               | TC-TC1                                       | TCav-nanguyet                                | Ngữ văn-TNTHắng                              | GDPP-LTDung                                  | Ngữ văn-NTTHương                             | Hóa học-HMMân                                | AVNNN-A2                                     | Sinh học-DTNLiên                             | TCav-lhnTan                                  | Ngữ văn-TNNguyệt                             | GD QP-AN-TĐTrung                             | Vật li-LTLAnh                                | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 3    | GDTC-NTHoai                                    | Ngữ văn-PNKKHANH                           | TCav-BBNGoç                                | Ngữ văn-NTTHắng                              | TC-TC10(1)                                   | Ngữ văn-VTNgoç                               | TC-TC1                                       | Sinh học-DTNLiên                             | GD QP-AN-LTDung                              | Hóa học-DTLoan                               | Ngữ văn-NTTHương                             | Hóa học-HMMân                                | AVNNN-A2                                     | Công nghệ-PTMHiếu                            | Lịch Sử-MTHương                              | Ngữ văn-TNNguyệt                             | Ngươi ngò-DTQuân                             | TCav-NTTThủy                                 | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 4    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 5   | C    | 1    | Hóa học-TNHNgoç(1)                             | Vật li-TMTRINH                             | Hóa học-HMMân                              | HDTN-TVĐôn                                   | Ngữ văn-DTMDuyên                             | Lịch Sử-MTHương                              | Địa li-HPhường                               | Ngữ văn-NTTHương                             | MOS-NTLNhâm                                  | TC-TC9(1)                                    | AVNNN-A2                                     | Tin học-ĐTKThánh                             | Lịch Sử-BTLong                               | Vật li-LHThái                                | Ngươi ngò-lhnTan                             | Toán-ppduy                                   | Vật li-TTATuyệt                              | Toán-NTNThu                                  | GDKT-PL-CTMo                                 | TC-TC7                                       |                                              |
|     |      | 2    | Hóa học-TNHNgoç(1)                             | Vật li-TMTRINH                             | Hóa học-HMMân                              | Sinh học-DTNLiên                             | Ngữ văn-DTMDuyên                             | Ngữ văn-VTNgoç                               | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | HDTN-TVĐôn                                   | MOS-NTLNhâm                                  | TC-TC9(1)                                    | AVNNN-A2                                     | Tin học-ĐTKThánh                             | Toán-NTTrang                                 | Công nghệ-PTMHiếu                            | Lịch Sử-MTHương                              | TCav-BBNGoç                                  | Ngươi ngò-DTQuân                             | Lịch Sử-bmny                                 | GDKT-PL-CTMo                                 | TC-TC7                                       |                                              |
|     |      | 3    | Lịch Sử-bmny                                   | Ngươi ngò-DTQuân                           | Vật li-TTATuyệt                            | TCav-lhnTan                                  | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Vật li-TMTRINH                               | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Toán-NTDLan                                  | HDTN-TVĐôn                                   | HDTN-LTHiếu                                  | Sinh học-DTNLiên                             | AVBN (GV NP)-TĐTrung                         | Ngữ văn-TNTHương                             | Lịch Sử-MTHương                              | GDKT-PL-CTMo                                 | AVNNN-A2                                     | MOS-NTLNhâm                                  | Công nghệ-PTMHiếu                            | Lịch Sử-BTLong                               | Địa li-HPhường                               |                                              |
|     |      | 4    | Ngươi ngò-DTQuân                               | GDDP-PTMHiếu                               | Ngữ văn-DTMDuyên                           | TCav-lhnTan                                  | Lịch Sử-MTHương                              | Hóa học-HMMân                                | HDTN-TVĐôn                                   | Toán-NTDLan                                  | Toán-NTNThu                                  | Ngữ văn-TNTHắng                              | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | TCav-TBNGoç                                  | Ngươi ngò-nanguyet                           | HDTN-PTMHiếu                                 | GDTC-LBLâm                                   | AVNNN-A2                                     | Toán-TVDôn                                   | Lịch Sử-bmny                                 | TCav-PTTNgoc                                 | GDTC-TCTâm                                   |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 6   | S    | 1    | Toán-phthuan                                   | GD QP-AN-LTDung                            | Sinh học-BTAN                              | GDTC-NTHoai                                  | GDDP-NTBinh                                  | Toán-NTDLan                                  | Địa li-HPhường                               | Sinh học-DTNLiên                             | TCav-DTQuân                                  | GDTC-TMDúc                                   | Toán-LQHóa                                   | AVBN (GV NP)-nanguyet                        | Ngươi ngò-TBNGoç                             | Ngữ văn-TNPhan                               | GDPP-TĐHung                                  | GDTC-LBLâm                                   | AVNNN-A2                                     | Toán-TVDôn                                   | Lịch Sử-bmny                                 | TCav-PTTNgoc                                 |                                              |
|     |      | 2    | TCav-DTQuân                                    | Lịch Sử-bmny                               | MOS-ĐTKThánh                               | Toán-phthuan                                 | GDTC-NTHoai                                  | Toán-TVDôn                                   | TCav-nanguyet                                | TC-TC8                                       | TCav-TTTHắng                                 | MOS-NVAn                                     | AVNNN-A2                                     | GDTC-THAnh                                   | Toán-LHVũ                                    | Địa li-HTHái                                 | Toán-ppduy                                   | Công nghệ-PTMHiếu                            | Toán-NTNThu                                  | TC-TC1                                       | Địa li-HPhường                               |                                              |                                              |
|     |      | 3    | Sinh học-BTAN                                  | Lịch Sử-bmny                               | MOS-ĐTKThánh                               | Toán-phthuan                                 | GDTC-NTHoai                                  | Toán-TVDôn                                   | GD QP-AN-LTDung                              | TC-TC8                                       | TCav-TTTHắng                                 | MOS-NVAn                                     | AVNNN-A2                                     | GDTC-THAnh                                   | Toán-LHVũ                                    | Địa li-HTHái                                 | Toán-ppduy                                   | Lịch Sử-MTHương                              | GD QP-AN-TĐTrung                             | TC-TC1                                       | TCav-TBNGoç                                  |                                              |                                              |
|     |      | 4    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 7   | C    | 1    | MOS-NTLNhâm                                    | Sinh học-BTAN                              | TC-TC8                                     | Toán-NTTrang                                 | Sinh học-DTNLiên                             | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Ngươi ngò-nanguyet                           | Ngữ văn-TNTHắng                              | Vật li-LHThái                                | Toán-NXGiang                                 | Địa li-HTHái                                 | Ngữ văn-TNPhan                               | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Ngữ văn-DTMDuyên                             | TC-TC9(1)                                    | Lịch Sử-MTHương                              | Địa li-HPhường                               | Toán-LQHóa                                   | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 2    | MOS-NTLNhâm                                    | Sinh học-BTAN                              | TC-TC8                                     | Toán-NTTrang                                 | Sinh học-DTNLiên                             | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Ngươi ngò-nanguyet                           | Ngữ văn-TNTHắng                              | Vật li-LHThái                                | Vật li-TMHHiên                               | Địa li-HTHái                                 | Ngữ văn-TNPhan                               | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Ngữ văn-DTMDuyên                             | TC-TC9(1)                                    | Lịch Sử-MTHương                              | Địa li-HPhường                               | Toán-LQHóa                                   | Lịch Sử-BTLong                               |                                              |
|     |      | 3    | Vật li-LHThái                                  | Ngữ văn-PNKKHANH                           | Tin học-ĐTKThánh                           | Ngươi ngò-lhnTan                             | Ngữ văn-DTMDuyên                             | HDTN-TVĐôn                                   | Vật li-LTLAnh                                | Lịch Sử-MTHương                              | Sinh học-DTNLiên                             | Toán-TTHuyền                                 | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | HDTN-PTMHiếu                                 | HDTN-PTMHiếu                                 | Hóa học-Phường (Hóa)                         | AVBN (GV NP)-NTBinh                          | Ngữ văn-TNTHương                             | Toán-ppduy                                   | Ngươi ngò-BBNGoç                             | GDKT-PL-CTMo                                 | Tin học-NTLNhâm                              |                                              |
|     |      | 4    | Vật li-LHThái                                  | Ngữ văn-PNKKHANH                           | Tin học-ĐTKThánh                           | Ngươi ngò-lhnTan                             | Ngữ văn-DTMDuyên                             | Vật li-TMTRINH                               | Vật li-LTLAnh                                | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Toán-TTHuyền                                 | TCav-NTTThủy                                 | Lịch Sử-MTHương                              | Toán-NTTrang                                 | Ngữ văn-TNTHắng                              | HDTN-PTMHiếu                                 | GDTC-LBLâm                                   | AVNNN-A2                                     | Toán-TVDôn                                   | Lịch Sử-bmny                                 | TCav-PTTNgoc                                 | GDTC-TCTâm                                   |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 8   | S    | 1    | Vật li-LHThái                                  | Hóa học-HMMân                              | TCav-BBNGoç                                | Sinh học-DTNLiên                             | GDTC-NTHoai                                  | AVNNN-A1                                     | Ngữ văn-Phúc                                 | Ngươi ngò-nanguyet                           | Vật li-LTLAnh                                | Ngữ văn-TNTHắng                              | Toán-NXGiang                                 | Ngữ văn-PNKKHANH                             | TC-TC12                                      | Lịch Sử-bmny                                 | TC-TC8                                       | GDTC-LBLâm                                   | TCav-DTQuân                                  | Toán-NTNThu                                  | AVNNN-A2                                     | Địa li-HPhường                               |                                              |
|     |      | 2    | Lịch Sử-bmny                                   | Hóa học-HMMân                              | TCav-BBNGoç                                | Ngươi ngò-lhnTan                             | GDTC-NTHoai                                  | AVNNN-A1                                     | Ngữ văn-Phúc                                 | TCav-nanguyet                                | Vật li-LTLAnh                                | Ngữ văn-TNTHắng                              | Toán-NXGiang                                 | Ngữ văn-PNKKHANH                             | TC-TC12                                      | Vật li-LHThái                                | TC-TC8                                       | GDTC-LBLâm                                   | TCav-DTQuân                                  | Địa li-HPhường                               | AVNNN-A2                                     | Toán-phthuan                                 |                                              |
|     |      | 3    | Hóa học-TNHNgoç(1)                             | Ngươi ngò-DTQuân                           | Hóa học-HMMân                              | Ngữ văn-TNTHắng                              | MOS-NTLNhâm                                  | Ngữ văn-VTNgoç                               | AVNNN-A1                                     | Toán-NTDLan                                  | Toán-NTNThu                                  | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Toán-LHVũ                                    | Lịch Sử-bmny                                 | Lịch Sử-bmny                                 | GDTC-LBLâm                                   | AVNNN-A2                                     | MOS-ĐTKThánh                                 | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 4    | HDTN-phthuan                                   | Ngươi ngò-DTQuân                           | Vật li-TTATuyệt                            | MOS-NTLNhâm                                  | Ngữ văn-TNTHắng                              | Ngữ văn-VTNgoç                               | AVNNN-A1                                     | Toán-NTDLan                                  | Sinh học-DTNLiên                             | Hóa học-DTLoan                               | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Toán-LHVũ                                    | TCav-lhnTan                                  | TCav-lhnTan                                  | GDTC-LBLâm                                   | AVNNN-A2                                     | MOS-ĐTKThánh                                 | Ngữ văn-Phúc                                 |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 9   | S    | 1    | AVNNN-A1                                       | Vật li-TMTRINH                             | Lịch Sử-BTLong                             | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Vật li-TTATuyệt                              | Hóa học-HMMân                                | Ngữ văn-Phúc                                 | Ngữ văn-TNTHương                             | Ngữ văn-TNTHắng                              | MOS-NVAn                                     | GDTC-TMDúc                                   | GDPP-TĐHung                                  | AVNNN-A2                                     | Toán-ppduy                                   | Địa li-HTHái                                 | Toán-TVDôn                                   | Toán-NTNThu                                  | Địa li-HPhường                               | GDKT-PL-CTMo                                 | GDKT-PL-CTMo                                 |                                              |
|     |      | 2    | AVNNN-A1                                       | Vật li-TMTRINH                             | Toán-NTTrang                               | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Vật li-TTATuyệt                              | Hóa học-HMMân                                | Ngữ văn-Phúc                                 | Ngữ văn-TNTHương                             | Ngữ văn-TNTHắng                              | MOS-NVAn                                     | GDTC-TMDúc                                   | GDPP-TĐHung                                  | AVNNN-A2                                     | Toán-ppduy                                   | Địa li-HTHái                                 | Toán-TVDôn                                   | Toán-NTNThu                                  | Địa li-HPhường                               | Lịch Sử-BTLong                               | GDKT-PL-CTMo                                 |                                              |
|     |      | 3    | TC-TC1                                         | Toán-THTVY                                 | Ngữ văn-DTMDuyên                           | TC-TC9(1)                                    | GDKT-PL-NTBinh                               | Vật li-TMTRINH                               | Toán-TVDôn                                   | GDTC-TMDúc                                   | AVNNN-A1                                     | Toán-TTHuyền                                 | Toán-NXGiang                                 | Hóa học-HMMân                                | Ngữ văn-TNPhan                               | GDTC-LBLâm                                   | Địa li-HTHái                                 | Ngữ văn-TNNguyệt                             | Ngữ văn-Phúc                                 | GDKT-PL-CTMo                                 | AVNNN-A2                                     | AVNNN-A2                                     |                                              |
|     |      | 4    | TC-TC1                                         | Ngữ văn-PNKKHANH                           | Ngữ văn-DTMDuyên                           | TC-TC9(1)                                    | GDKT-PL-NTBinh                               | Vật li-TMTRINH                               | Toán-TVDôn                                   | GDTC-TMDúc                                   | AVNNN-A1                                     | Toán-TTHuyền                                 | Toán-NXGiang                                 | Hóa học-HMMân                                | Lịch Sử-BTLong                               | GDTC-LBLâm                                   | GDPP-Chiêu Anh                               | Ngữ văn-TNPhan                               | GDPP-Chiêu Anh                               | TCav-NTTThủy                                 | Toán-LQHóa                                   | GDPP-Chiêu Anh                               |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 10  | C    | 1    | Ngữ văn-PNKKHANH                               | Toán-THTVY                                 | Sinh học-BTAN                              | AVNNN-A1                                     | Ngữ văn-DTMDuyên                             | Toán-NTDLan                                  | Lịch Sử-MTHương                              | Tin học-NVAn                                 | Toán-NTNThu                                  | Lịch Sử-BTLong                               | TC-TC10(1)                                   | MOS-ĐTKThánh                                 | Hóa học-Phường (Hóa)                         | Toán-LHVũ                                    | Toán-ppduy                                   | Vật li-LTLAnh                                | Ngữ văn-Phúc                                 | TC-TC11(1)                                   | Toán-LQHóa                                   | TCav-TBNGoç                                  |                                              |
|     |      | 2    | Ngữ văn-PNKKHANH                               | Toán-THTVY                                 | Lịch Sử-BTLong                             | AVNNN-A1                                     | Sinh học-DTNLiên                             | Ngươi ngò-PTTNgoc                            | Lịch Sử-MTHương                              | Tin học-NVAn                                 | Toán-NTNThu                                  | Vật li-LHThái                                | TC-TC10(1)                                   | MOS-ĐTKThánh                                 | GDKT-PL-NTBinh                               | Toán-LHVũ                                    | Ngữ văn-DTMDuyên                             | HDTN-PTMHiếu                                 | Ngữ văn-Phúc                                 | TC-TC11(1)                                   | Toán-LQHóa                                   | Ngươi ngò-TBNGoç                             |                                              |
|     |      | 3    | Sinh học-BTAN                                  | MOS-NTLNhâm                                | Ngữ văn-DTMDuyên                           | Tin học-ĐTKThánh                             | AVNNN-A1                                     | MOS-TTTHá                                    | TCav-PTTNgoc                                 | Sinh học-DTNLiên                             | Toán-NTDLan                                  | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | MOS-NVAn                                     |                                              |                                              |
|     |      | 4    | Sinh học-BTAN                                  | MOS-NTLNhâm                                | Ngữ văn-DTMDuyên                           | Tin học-ĐTKThánh                             | AVNNN-A1                                     | MOS-TTTHá                                    | TCav-PTTNgoc                                 | Sinh học-DTNLiên                             | Toán-NTDLan                                  | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | Ngươi ngò-TTTHắng                            | MOS-NVAn                                     |                                              |                                              |
|     |      | 5    |                                                |                                            |                                            |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |
| 11  | S    | 1    | Ngươi ngò-DTQuân                               | Toán-THTVY                                 | Sinh học-BTAN                              | Sinh học-DTNLiên                             | Lịch Sử-MTHương                              | Hóa học-HMMân                                | MOS-TTTHá                                    | Ngữ văn-TNTHương                             | Toán-NTNThu                                  | TCav-TTTHắng                                 | Công nghệ-PTMHiếu                            | Vật li-TTATuyệt                              | Toán-NTTrang                                 | TCav-NTTThủy                                 | HDTN-NTLNhâm                                 | Lịch Sử-bmny                                 | MOS-ĐTKThánh                                 | GDPP-Chiêu Anh                               | Ngữ văn-Phúc                                 | Toán-phthuan                                 |                                              |
|     |      | 2    | Ngươi ngò-DTQuân                               | Công nghệ-PTMHiếu                          | Sinh học-BTAN                              | Sinh học-DTNLiên                             | Ngươi ngò-TTTHắng                            | GDPP-NTBinh                                  | MOS-TTTHá                                    | Toán-NTDLan                                  | Toán-NTNThu                                  | Lịch Sử-BTLong                               | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | Vật li-TTATuyệt                              | Toán-NTTrang                                 | Ngươi ngò-NTTThủy                            | Tin học-NTLNhâm                              | Lịch Sử-bmny                                 | MOS-ĐTKThánh                                 | Ngữ văn-TNPhan                               | Ngữ văn-Phúc                                 | Toán-phthuan                                 |                                              |
|     |      | 3    | Toán-phthuan                                   | TCav-DTQuân                                | Ngươi ngò-BBNGoç                           | Toán-phthuan                                 | Ngươi ngò-TTTHắng                            | TCav-PTTNgoc                                 | GDDP-TĐTrung                                 | Hóa học-TNHNgoç(1)                           | GDDP-LTDung                                  | Lịch Sử-BTLong                               | Lịch Sử-BTLong</                             |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |                                              |

| Thứ | Buổi | Tiết | 11A1                                                | 11A2                                            | 11A3                                          | 11A4                                               | 11A5                                            | 11A6                                              | 11A7                                            | 11A8                                              | 11A9                                            | 11A10                                             | 11A11                                           | 11A12                                             | 11A13                                           | 11A14                                             | 11A15                                           | 11A16                                             | 11A17                                           | 11A18                                             | 11A19                                           | 11A20                                             |                                                 |
|-----|------|------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 2   | S    | 1    | HDC (HDTN 1)-Phươg (Vn)<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-PTHn<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-Chiêu Anh<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-TMTNRINH<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) | HDC (HDTN 1)-NTNgân<br>HGDG (HDTN 1)-Phươg (Vn) |
|     |      | 2    | TCAV-NTTThy                                         | Vật li-TTATuyệt                                 | Ngữ văn-PTHn                                  | GDDP-Chiêu Anh                                     | Sinh học-Trang (sinh)                           | Lịch Sử-TTNu                                      | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | Vật li-LTMai                                      | HDTN-NTDLan                                     | GDKT-PL-LTHy                                      | Ngôi ng-DTQuin                                  | Ngữ văn-TNPhan                                    | Vật li-TĐNhan                                   | Ngôi ng-HTHNhang                                  | Toán-NTTHà                                      | Toán-LQHòa                                        | Ngôi ng-PTTNgoc                                 | Toán-NTNTThu                                      | HDTN-NTTTThao                                   | GDDP-CTMơ                                         |                                                 |
|     |      | 3    | Toán-VHSON                                          | TCAV-NTTKieu                                    | Vật li-TĐNhan                                 | GDKT-PL-NTBinh                                     | Sinh học-Trang (sinh)                           | Vật li-LTMai                                      | Lịch Sử-TTNu                                    | Đĩa Li-VTTThylin                                  | Lịch Sử-bmny                                    | Đĩa Li-HTHài                                      | Ngôi ng-DTQuin                                  | Ngữ văn-TNPhan                                    | TCAV-thtuo                                      | TCAV-HTHNhang                                     | Toán-NTTHà                                      | Toán-LQHòa                                        | Ngữ văn-PTHn                                    | Ngôi ng-lhnTan                                    | Ngôi ng-PNKKHANH                                | Ngôi ng-NPTThao                                   |                                                 |
|     |      | 4    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 5    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
| 3   | C    | 1    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | MOS-TTTHà                                           | Toán-NXGiang                                    | TC-TC8                                        | Hóa học-TTTTien                                    | Toán-TTVAnh                                     | Ngôi ng-PNKKHANH                                  | Toán-LQHòa                                      | Lịch Sử-TTNu                                      | GDDP-BBNgoc                                     | Vật li-nvLọc                                      | Ngữ văn-Phươg (Vn)                              | Ngôi ng-HTHNhang                                  | Ngôi ng-thuo                                    | Toán-NTDLan                                       | Toán-NTTHà                                      | Ngôi ng-NTTTThy                                   | TC-TC11(1)                                      | MOS-DTKThánh                                      | TC-TC1                                          | AVNNN-A3                                          |                                                 |
|     |      | 3    | MOS-TTTHà                                           | Toán-NXGiang                                    | TC-TC8                                        | Hóa học-TTTTien                                    | Toán-TTVAnh                                     | Ngôi ng-PNKKHANH                                  | Toán-LQHòa                                      | Lịch Sử-TTNu                                      | GDDP-BBNgoc                                     | Vật li-nvLọc                                      | Ngữ văn-Phươg (Vn)                              | Ngôi ng-HTHNhang                                  | Ngôi ng-thuo                                    | Toán-NTDLan                                       | Toán-NTTHà                                      | Hóa học-TTTTien                                   | TC-TC11(1)                                      | MOS-DTKThánh                                      | TC-TC1                                          | AVNNN-A3                                          |                                                 |
|     |      | 4    | Toán-VHSON                                          | Hóa học-NTNgân                                  | Tin học-NVAn                                  | Toán-LHVũ                                          | TC-TC10(1)                                      | Vật li-LTMai                                      | Ngôi ng-TBNGoc                                  | Lịch Sử-TTNu                                      | Vật li-TTATuyệt                                 | TC-TC9(1)                                         | HDTN-npduy                                      | TC-TC11(1)                                        | Hóa học-TTTTien                                 | GDKT-PL-LTHy                                      | GDDP-Chiêu Anh                                  | Sinh học-BTAn                                     | Sinh học-PTVinh                                 | AVNNN-A3                                          | TCAV-BBNgoc                                     | Ngữ văn-TTTThao                                   |                                                 |
|     |      | 5    | Vật li-nvLọc                                        | Hóa học-NTNgân                                  | Tin học-NVAn                                  | Toán-LHVũ                                          | TC-TC10(1)                                      | TCAV-lhnTan                                       | Lịch Sử-TTNu                                    | Ngữ văn-Phúc                                      | TCAV-PTTNgoc                                    | TC-TC9(1)                                         | GDDP-BBNgoc                                     | TC-TC11(1)                                        | Hóa học-TTTTien                                 | Sinh học-PTVinh                                   | Vật li-LTMai                                    | Ngữ văn-TNPhan                                    | Ngữ văn-PTHn                                    | AVNNN-A3                                          | Toán-VHSON                                      | TCAV-NPTThao                                      |                                                 |
| 4   | S    | 1    | Hóa học-CTTLiêu                                     | TCAV-NTTKieu                                    | Ngữ văn-PTHn                                  | GDKT-PL-NTBinh                                     | Ngôi ng-HTHNhang                                | Công nghệ-NTQuyên                                 | GDKT-NDQuang                                    | Vật li-LTMai                                      | Ngữ văn-TTTThao                                 | Ngôi ng-BBNgoc                                    | GDKT-Duy                                        | Hóa học-TNHNgoc(1)                                | TCAV-thtuo                                      | MOS-DTKThánh                                      | Ngôi ng-PNKKHANH                                | TCAV-NTTTThy                                      | GDQP-AN-LTDung                                  | Hóa học-TTTTien                                   | Hóa học-NTNgân                                  | Vật li-TĐNhan                                     |                                                 |
|     |      | 2    | Hóa học-CTTLiêu                                     | TCAV-NTTKieu                                    | Ngữ văn-PTHn                                  | GDKT-PL-NTBinh                                     | Ngôi ng-HTHNhang                                | Công nghệ-NTQuyên                                 | GDKT-NDQuang                                    | Vật li-LTMai                                      | Ngữ văn-TTTThao                                 | Ngôi ng-BBNgoc                                    | GDKT-Duy                                        | Hóa học-TNHNgoc(1)                                | TCAV-thtuo                                      | MOS-DTKThánh                                      | Ngôi ng-PNKKHANH                                | TCAV-NTTTThy                                      | GDQP-AN-LTDung                                  | Hóa học-TTTTien                                   | Hóa học-NTNgân                                  | Vật li-TĐNhan                                     |                                                 |
|     |      | 3    | AVBN (GV NP)-NTTThy                                 | Vật li-TTATuyệt                                 | MOS-NVAn                                      | Vật li-LTMai                                       | MOS-NTLNham                                     | GDDP-NTBinh                                       | TCAV-TBNGoc                                     | Ngôi ng-thuo                                      | Đĩa Li-HTHài                                    | GDQP-AN-NTBinh                                    | Ngôi ng-DTQuin                                  | GDKT-THAnh                                        | Ngữ văn-Phươg (Vn)                              | Ngữ văn-PTHn                                      | Hóa học-Phươg (Hóa)                             | Ngữ văn-TNPhan                                    | Tin học-TTTHà                                   | Sinh học-PTVinh                                   | GDKT-Dung                                       | Ngữ văn-TTTThao                                   |                                                 |
|     |      | 4    | Sinh học-Trang (sinh)                               | GDQP-AN-TĐTrang                                 | MOS-NVAn                                      | Vật li-LTMai                                       | MOS-NTLNham                                     | Đĩa Li-VTTThylin                                  | Ngôi ng-TBNGoc                                  | TCAV-thtuo                                        | Vật li-TTATuyệt                                 | Đĩa Li-HTHài                                      | Hóa học-CTTLiêu                                 | GDKT-THAnh                                        | Ngữ văn-Phươg (Vn)                              | Ngữ văn-PTHn                                      | Hóa học-Phươg (Hóa)                             | Ngữ văn-TNPhan                                    | Tin học-TTTHà                                   | Sinh học-PTVinh                                   | GDKT-Dung                                       | Hóa học-TTTTien                                   |                                                 |
|     |      | 5    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
| 5   | C    | 1    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | Hóa học-CTTLiêu                                     | HDTN-LTHieu                                     | Toán-LĐHàng                                   | AVNNN-A3                                           | Toán-TTVAnh                                     | Đĩa Li-VTTThylin                                  | HDTN-NVAn                                       | Ngữ văn-Phúc                                      | Đĩa Li-HTHài                                    | Ngữ văn-LTTuyệt                                   | TCAV-DTQuin                                     | Ngôi ng-HTHNhang                                  | GDDP-BBNgoc                                     | Toán-NTDLan                                       | HDTN-TTTHà                                      | Hóa học-TTTTien                                   | Lịch Sử-TTNu                                    | Vật li-nvLọc                                      | Ngôi ng-PNKKHANH                                | TCAV-NPTThao                                      |                                                 |
|     |      | 3    | HDTN-LTHieu                                         | Vật li-TTATuyệt                                 | AVNNN-A3                                      | Toán-TTVAnh                                        | Lịch Sử-TTNu                                    | Ngữ văn-LTTuyệt                                   | Ngữ văn-Phúc                                    | Toán-NTDLan                                       | Đĩa Li-HTHài                                    | Hóa học-CTTLiêu                                   | Đĩa Li-VTTThylin                                | Hóa học-TTTTien                                   | TCAV-HTHNhang                                   | Vật li-TĐNhan                                     | Toán-NTTTThao                                   | Vật li-TĐNhan                                     | Lịch Sử-TTNu                                    | Vật li-TĐNhan                                     | HDTN-NVAn                                       |                                                   |                                                 |
|     |      | 4    | TC-TC14                                             | Hóa học-NTNgân                                  | AVBN (GV NP)-NTTThy                           | Ngữ văn-Phúc                                       | Ngôi ng-PNKKHANH                                | GDDP-Chiêu Anh                                    | Toán-NTNTThu                                    | AVNNN-A3                                          | Toán-NTTTThao                                   | Tin học-TTTHà                                     | Toán-TTVAnh                                     | Toán-npduy                                        | TC-TC7                                          | Sinh học-Trang (sinh)                             | TC-TC10(1)                                      | Hóa học-TNHNgoc(1)                                | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | Lịch Sử-TTNu                                      | Vật li-TĐNhan                                   | Công nghệ-NTQuyên                                 |                                                 |
|     |      | 5    | TC-TC14                                             | Hóa học-NTNgân                                  | GDDP-BBNgoc                                   | Hóa học-TTTTien                                    | Ngữ văn-Phúc                                    | Ngôi ng-PNKKHANH                                  | Lịch Sử-TTNu                                    | AVNNN-A3                                          | Toán-NTTTThao                                   | Tin học-TTTHà                                     | Vật li-nvLọc                                    | Toán-npduy                                        | TC-TC7                                          | Sinh học-Trang (sinh)                             | TC-TC10(1)                                      | Vật li-TTATuyệt                                   | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | Vật li-TĐNhan                                     | Công nghệ-NTQuyên                               |                                                   |                                                 |
| 6   | S    | 1    | Toán-VHSON                                          | MOS-NVAn                                        | AVNNN-A3                                      | TCAV-NDAKhanh                                      | Sinh học-Trang (sinh)                           | Lịch Sử-TTNu                                      | Đĩa Li-VTTThylin                                | Toán-NTNTThu                                      | Đĩa Li-HTHài                                    | MOS-NTLNham                                       | AVNNN-A1                                        | TCAV-HTHNhang                                     | GDKT-THAnh                                      | Sinh học-PTVinh                                   | Ngôi ng-TBNGoc                                  | GDDP-LLThy                                        | Toán-NTTTThao                                   | GDKT-Dung                                         | TCAV-BBNgoc                                     | Toán-LĐHàng                                       |                                                 |
|     |      | 2    | Toán-VHSON                                          | MOS-NVAn                                        | AVNNN-A3                                      | TCAV-NDAKhanh                                      | Sinh học-Trang (sinh)                           | Lịch Sử-TTNu                                      | Đĩa Li-VTTThylin                                | GDQP-AN-TĐTrang                                   | Toán-NTNTThu                                    | Đĩa Li-HTHài                                      | MOS-NTLNham                                     | AVNNN-A1                                          | TCAV-HTHNhang                                   | GDKT-THAnh                                        | Sinh học-PTVinh                                 | Ngôi ng-TBNGoc                                    | GDDP-LLThy                                      | Toán-NTTTThao                                     | GDKT-Dung                                       | TCAV-BBNgoc                                       |                                                 |
|     |      | 3    | Ngôi ng-NTTThy                                      | GDKT-TĐHưng                                     | Sinh học-PTVinh                               | GDQP-AN-TĐTrang                                    | TCAV-HTHNhang                                   | Toán-NTTHà                                        | MOS-NTLNham                                     | AVNNN-A3                                          | Toán-NTDLan                                     | GDKT-NDQuang                                      | GDQP-AN-NTBinh                                  | GDDP-BBNgoc                                       | Ngôi ng-thuo                                    | GDKT-PL-LTHy                                      | AVNNN-A1                                        | Toán-LQHòa                                        | Ngôi ng-PTTNgoc                                 | Lịch Sử-TTNu                                      | GDQP-AN-LTDung                                  | GDKT-Dung                                         |                                                 |
|     |      | 4    | Ngôi ng-NTTThy                                      | GDKT-TĐHưng                                     | Sinh học-PTVinh                               | Ngôi ng-NDAKhanh                                   | Đĩa Li-VTTThylin                                | Toán-NTTHà                                        | MOS-NTLNham                                     | AVNNN-A3                                          | Toán-NTDLan                                     | GDKT-NDQuang                                      | TCAV-DTQuin                                     | GDQP-AN-NTBinh                                    | Ngôi ng-HTHNhang                                | Ngôi ng-HTHNhang                                  | AVNNN-A1                                        | Toán-LQHòa                                        | Ngôi ng-PTTNgoc                                 | Lịch Sử-TTNu                                      | Ngôi ng-BBNgoc                                  | GDKT-Dung                                         |                                                 |
|     |      | 5    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
| 7   | C    | 1    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | Ngữ văn-Phươg (Vn)                                  | TC-TC7                                          | HDTN-NVAn                                     | Sinh học-BTAn                                      | GDDP-TMTNRINH                                   | AVBN (GV NP)-lhnTan                               | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | Toán-NTNTThu                                      | Ngữ văn-TTTThao                                 | TCAV-BBNgoc                                       | Toán-npduy                                      | Toán-TTVAnh                                       | TC-TC1                                          | AVNNN-A1                                          | Ngôi ng-PNKKHANH                                | Ngôi ng-NTTTThy                                   | Sinh học-PTVinh                                 | TCAV-lhnTan                                       | MOS-DTKThánh                                    | TC-TC11(1)                                        |                                                 |
|     |      | 3    | Ngữ văn-Phươg (Vn)                                  | TC-TC7                                          | Ngữ văn-PTHn                                  | Toán-LHVũ                                          | Ngôi ng-HTHNhang                                | HDTN-NVAn                                         | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | HDTN-TVĐôn                                        | Ngữ văn-TTTThao                                 | TCAV-BBNgoc                                       | Toán-npduy                                      | Toán-TTVAnh                                       | TC-TC1                                          | AVNNN-A1                                          | Ngôi ng-PNKKHANH                                | Ngôi ng-NTTTThy                                   | Sinh học-PTVinh                                 | TCAV-lhnTan                                       | MOS-DTKThánh                                    | TC-TC11(1)                                        |                                                 |
|     |      | 4    | Vật li-nvLọc                                        | Toán-NXGiang                                    | TCAV-NTTKieu                                  | TC-TC12                                            | Ngữ văn-Phúc                                    | GDKT-PL-NTBinh                                    | Toán-LQHòa                                      | TC-TC7                                            | TCAV-PTTNgoc                                    | Toán-NTTTThao                                     | TC-TC10(1)                                      | Ngữ văn-TNPhan                                    | AVNNN-A1                                        | Vật li-LTMai                                      | Toán-NTTHà                                      | Sinh học-BTAn                                     | Sinh học-PTVinh                                 | Toán-NTNTThu                                      | Toán-VHSON                                      | Toán-LĐHàng                                       |                                                 |
|     |      | 5    | GDDP-BBNgoc                                         | Toán-NXGiang                                    | TCAV-NTTKieu                                  | TC-TC12                                            | Ngữ văn-Phúc                                    | GDKT-PL-NTBinh                                    | Toán-LQHòa                                      | TC-TC7                                            | Ngôi ng-HTHNhang                                | Ngữ văn-LTTuyệt                                   | TC-TC10(1)                                      | Vật li-nvLọc                                      | AVNNN-A1                                        | Vật li-LTMai                                      | Sinh học-Phươg (Hóa)                            | Sinh học-BTAn                                     | HDTN-npduy                                      | Vật li-nvLọc                                      | AVNNN-A2                                        | Hóa học-TTTTien                                   |                                                 |
| 8   | S    | 1    | Lịch Sử-TTNu                                        | Toán-NXGiang                                    | GDKT-TĐHưng                                   | MOS-TTTHà                                          | AVNNN-A3                                        | Công nghệ-NTQuyên                                 | Lịch Sử-TTNu                                    | GDKT-NDQuang                                      | Toán-NTDLan                                     | TCAV-BBNgoc                                       | Toán-npduy                                      | Lịch Sử-bmny                                      | Tin học-NVAn                                    | TCAV-HTHNhang                                     | GDKT-Duy                                        | Toán-LQHòa                                        | GDDP-LLThy                                      | Vật li-nvLọc                                      | AVNNN-A2                                        | Hóa học-TTTTien                                   |                                                 |
|     |      | 2    | Hóa học-CTTLiêu                                     | Toán-NXGiang                                    | GDKT-TĐHưng                                   | MOS-TTTHà                                          | AVNNN-A3                                        | Công nghệ-NTQuyên                                 | Lịch Sử-TTNu                                    | GDKT-NDQuang                                      | Toán-NTDLan                                     | TCAV-BBNgoc                                       | Toán-npduy                                      | Lịch Sử-bmny                                      | Tin học-NVAn                                    | TCAV-HTHNhang                                     | GDKT-Duy                                        | Toán-LQHòa                                        | GDDP-LLThy                                      | Vật li-nvLọc                                      | AVNNN-A2                                        | Hóa học-TTTTien                                   |                                                 |
|     |      | 3    | AVNNN-A3                                            | Ngôi ng-NTTKieu                                 | Ngôi ng-NTTKieu                               | Ngữ văn-TNPhan                                     | Ngữ văn-Phúc                                    | Toán-NTTHà                                        | Ngôi ng-TBNGoc                                  | GDQP-AN-TĐTrang                                   | GDKT-NDQuang                                    | Vật li-nvLọc                                      | Toán-TTVAnh                                     | Hóa học-TTTTien                                   | Hóa học-NTNgân                                  | GDKT-Duy                                          | Tin học-TTTHà                                   | AVNNN-A2                                          | TCAV-lhnTan                                     | Công nghệ-NTQuyên                                 | Sinh học-Trang (sinh)                           |                                                   |                                                 |
|     |      | 4    | AVNNN-A3                                            | Ngữ văn-VTNgoc                                  | Lịch Sử-TTNu                                  | Ngữ văn-TNPhan                                     | Toán-TTVAnh                                     | Toán-NTTHà                                        | Toán-LQHòa                                      | Ngữ văn-Phúc                                      | GDKT-NDQuang                                    | Lịch Sử-bmny                                      | Ngôi ng-HTHNhang                                | Toán-npduy                                        | Hóa học-NTNgân                                  | Ngôi ng-TBNGoc                                    | Tin học-TTTHà                                   | AVNNN-A2                                          | TCAV-lhnTan                                     | Sinh học-Trang (sinh)                             | Công nghệ-NTQuyên                               |                                                   |                                                 |
|     |      | 5    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
| 9   | C    | 1    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | Sinh học-Trang (sinh)                               | Tin học-NVAn                                    | Vật li-TĐNhan                                 | Toán-LHVũ                                          | GDKT-NDQuang                                    | AVNNN-A3                                          | TCAV-TBNGoc                                     | Vật li-LTMai                                      | MOS-NTLNham                                     | GDKT-PL-LTHy                                      | Ngữ văn-Phươg (Vn)                              | Toán-TTVAnh                                       | Toán-npduy                                      | Toán-NTDLan                                       | Tin học-TTTHà                                   | GDKT-Duy                                          | Hóa học-TNHNgoc(1)                              | Công nghệ-NTQuyên                                 | Toán-VHSON                                      | Ngữ văn-TTTThao                                   |                                                 |
|     |      | 3    | Vật li-nvLọc                                        | Tin học-NVAn                                    | Vật li-TĐNhan                                 | Toán-LHVũ                                          | GDKT-NDQuang                                    | AVNNN-A3                                          | TCAV-TBNGoc                                     | Công nghệ-NTQuyên                                 | MOS-NTLNham                                     | Ngữ văn-TTTThao                                   | AVNNN-A3                                        | Toán-npduy                                        | HDTN-NVAn                                       | Vật li-TĐNhan                                     | GDKT-TĐHưng                                     | TCAV-TBNGoc                                       | MOS-TTTHà                                       | TCAV-PTTNgoc                                      | Ngôi ng-BBNgoc                                  | Ngôi ng-NPTThao                                   |                                                 |
|     |      | 4    | Ngữ văn-Phươg (Vn)                                  | Vật li-TTATuyệt                                 | Ngôi ng-NTTKieu                               | Ngôi ng-PNKKHANH                                   | Ngôi ng-NDAKhanh                                | Toán-TTVAnh                                       | Ngôi ng-PNKKHANH                                | Ngôi ng-NDAKhanh                                  | TCAV-thtuo                                      | Lịch Sử-bmny                                      | AVNNN-A3                                        | Toán-npduy                                        | HDTN-NVAn                                       | Vật li-TĐNhan                                     | GDKT-TĐHưng                                     | TCAV-TBNGoc                                       | MOS-TTTHà                                       | TCAV-PTTNgoc                                      | Ngôi ng-BBNgoc                                  | Ngôi ng-NPTThao                                   |                                                 |
|     |      | 5    | Ngữ văn-Phươg (Vn)                                  | GDQP-AN-TĐTrang                                 | AVNNN-A3                                      | Hóa học-Phươg (Hóa)                                | GDKT-Dung                                       | Lịch Sử-TTNu                                      | GDKT-NDQuang                                    | Ngữ văn-LTTuyệt                                   | Đĩa Li-VTTThylin                                | Công nghệ-NTQuyên                                 | Lịch Sử-bmny                                    | MOS-TTTHà                                         | Toán-TTVAnh                                     | Toán-npduy                                        | Tin học-NVAn                                    | MOS-TTTHà                                         | Vật li-TĐNhan                                   | Vật li-TTATuyệt                                   | Hóa học-TTTTien                                 | MOS-DTKThánh                                      |                                                 |
| 10  | S    | 1    | GDQP-AN-TĐTrang                                     | AVNNN-A3                                        | Ngôi ng-NTTKieu                               | Toán-LĐHàng                                        | Lịch Sử-TTNu                                    | GDQP-AN-TĐTrang                                   | Toán-NTTHà                                      | AVNNN-A3                                          | GDKT-PL-LTHy                                    | Vật li-TTATuyệt                                   | Đĩa Li-HTHài                                    | Toán-npduy                                        | Tin học-NVAn                                    |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | Vật li-nvLọc                                        | AVNNN-A3                                        | GDQP-AN-TĐTrang                               | GDKT-Dung                                          | GDKT-PL-NTBinh                                  | GDKT-NDQuang                                      | Ngữ văn-LTTuyệt                                 | Đĩa Li-VTTThylin                                  | Công nghệ-NTQuyên                               | Lịch Sử-bmny                                      | MOS-TTTHà                                       | Toán-TTVAnh                                       | Toán-npduy                                      | Tin học-NVAn                                      |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 3    | GDKT-TĐHưng                                         | Ngữ văn-VTNgoc                                  | Toán-LĐHàng                                   | Lịch Sử-TTNu                                       | Toán-NTTHà                                      | AVNNN-A3                                          | GDKT-PL-LTHy                                    | Vật li-TTATuyệt                                   | Đĩa Li-HTHài                                    | Toán-npduy                                        | Tin học-NVAn                                    |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 4    | GDKT-TĐHưng                                         | Ngữ văn-VTNgoc                                  | Toán-LĐHàng                                   | Hóa học-TTTTien                                    | Hóa học-NTNgân                                  | AVNNN-A3                                          | GDKT-PL-LTHy                                    | Vật li-TTATuyệt                                   | Đĩa Li-HTHài                                    | Toán-npduy                                        | Tin học-NVAn                                    |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 5    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
| 11  | C    | 1    |                                                     |                                                 |                                               |                                                    |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |
|     |      | 2    | TCAV-NTTThy                                         | GDDP-BBNgoc                                     | Toán-LĐHàng                                   | Ngữ văn-TNPhan                                     | GDKT-PL-NTBinh                                  | Ngôi ng-lhnTan                                    | TC-TC1                                          | MOS-NTLNham                                       | TCAV-PTTNgoc                                    | Toán-NTTTThao                                     | Sinh học-PTVinh                                 | AVNNN-A2                                          | Đĩa Li-VTTThylin                                | HDTN-TVĐôn                                        | TC-TC9(1)                                       | Hóa học-TTTTien                                   | MOS-TTTHà                                       | TC-TC12                                           | Vật li-TĐNhan                                   | Sinh học-Trang (sinh)                             |                                                 |
|     |      | 3    | TCAV-NTTThy                                         | Lịch Sử-TTNu                                    | Hóa học-Phươg (Hóa)                           | Ngữ văn-TNPhan                                     | Đĩa Li-VTTThylin                                | TCAV-lhnTan                                       | TC-TC1                                          | MOS-NTLNham                                       | Công nghệ-NTQuyên                               | Ngôi ng-thuo                                      | Sinh học-PTVinh                                 | AVNNN-A2                                          | Toán-npduy                                      | Toán-NTDLan                                       | TC-TC9(1)                                       | Sinh học-BTAn                                     | MOS-TTTHà                                       | TC-TC12                                           | Ngôi ng-BBNgoc                                  | Sinh học-Trang (sinh)                             |                                                 |
|     |      | 4    | Toán-VHSON                                          | Sinh học-PTVinh                                 | Ngôi ng-NTTKieu                               | Toán-LHVũ                                          | TCAV-HTHNhang                                   | TC                                                |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |                                                   |                                                 |

